

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/DS-ST.

Ngày: 28/3/2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân : Bà Cao Kim Triều;

: Ông Trần Quang Mẫn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh - Thư ký
Tòa án nhân dân Quận 1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 2166/2016/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 591/2019/QĐXXST-DS ngày 18/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 763/2018 ngày 11/3/2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Ông Bùi Quốc K, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đường L, Phường M, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. ***Bị đơn:***

Ông Hoàng Lê T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Đường T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Đường L, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Quốc K trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện theo đơn khởi kiện và bản khai trong quá trình giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Ngày 10/01/2016, nguyên đơn có cho ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H mượn số tiền 21.000.000 đồng để tổ chức tiệc cưới cho con trai là Hoàng Thanh T

theo Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay ngày 10/01/2016 với nội dung: Ông K cho ông T vay số tiền 21.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, hạn trả 21/01/2016; mục đích vay tổ chức đám cưới cho con; lãi suất 1,0%/tháng. Tuy nhiên, đến hạn thanh toán mặc dù đã nhắc nhở nhiều lần nhưng vợ chồng ông T, bà H vẫn không thực hiện việc thanh toán số tiền trên nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 21.000.000 đồng.

Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi.

Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn - ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 1 đã tiến hành các thủ tục tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự để tham gia hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thông báo kết quả phiên họp việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác tại các nơi cư trú hợp pháp của ông T và bà H nhưng trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử, các bị đơn đã không đến Tòa tham gia tố tụng hoặc gửi văn bản trình bày, ý kiến, yêu cầu của mình đối với ý kiến, yêu cầu của nguyên đơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ theo Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay ngày 10/01/2016 được ký kết giữa nguyên đơn ông Bùi Quốc K và bị đơn ông Hoàng Lê T ký với nội dung: Ông K cho ông T vay số tiền 21.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày, hạn trả 21/01/2016; mục đích vay tổ chức đám cưới cho con; bà Nguyễn Thị H là vợ hợp pháp của ông T, việc vay tiền của ông K nhằm mục đích tổ chức đám cưới cho con chung của ông T và bà H. Do đến thời hạn thanh toán nhưng ông T và bà H không trả mặc dù nguyên đơn đã nhắc nợ nhiều lần nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông T và bà H trả nợ cho nguyên đơn số tiền 21.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, các bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Bùi Quốc K khởi kiện ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H yêu cầu ông T và bà H trả số tiền vay theo Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay ngày 10/01/2016; do vậy xác định đây là tranh chấp dân sự về việc cho vay tài sản; một trong các bị đơn là ông T cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm h khoản 1 Điều 40; 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về tư cách đương sự:

Nguyên đơn ông Bùi Quốc K trực tiếp tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi nộp bản khai và tham gia tố tụng cho đến thời điểm Tòa án ra Quyết định xét xử vụ kiện ông K đã có đơn đề ngày 05/3/2019 xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; các bị đơn là ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H mặc dù Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng, tổng đạt giấy triệu tập tại địa chỉ cư trú của các bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để đảm bảo sự khách quan, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn nhưng ông T và bà H vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không lý do. Do vậy Hội đồng tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1.3 Về chứng cứ:

Nguyên đơn nộp cho Tòa: Đơn khởi kiện, các tài liệu chứng minh nhân thân, Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay ngày 10/01/2016 được Tòa án đối chiếu bản chính. Nguyên đơn cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự xác thực các tài liệu này. Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng, trong đó có Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định nhưng các bị đơn không đến Tòa tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, những tài liệu, chứng cứ này có giá trị chứng minh về quyền, nghĩa vụ của các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

2.1 Về luật áp dụng: Giao dịch giữa các bên xác lập kể từ ngày 10/01/2016, do vậy Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để điều chỉnh.

2.2 Về nội dung tranh chấp:

Xét nội dung văn bản “Hợp đồng kiêm giấy nhận nợ tiền vay” do ông Bùi Quốc K và ông Hoàng Lê T lập ngày 10/01/2016, có nội dung: Nguyên đơn (bên cho vay) cho ông Hoàng Lê T (bên vay) vay số tiền 21.000.000 đồng; thời hạn trả nợ 10 ngày đến 21/01/2016, mục đích: tổ chức đám cưới con. Hội đồng xét xử xét thấy: Tuy hợp đồng vay tiền chỉ có nội dung ông K cho ông T vay số tiền 21.000.000 đồng nhưng mục đích vay là tổ chức đám cưới cho con, ông T và bà H là vợ chồng tại thời điểm mượn tiền, mục đích vay tiền để tổ chức đám cưới cho con chung của ông T và bà H. Như vậy đủ cơ sở xác định được bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 21.000.000 đồng và đây là khoản nợ chung của ông T, bà H. Theo thỏa thuận thì đã quá thời hạn bên vay phải trả nợ, do vậy xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 21.000.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn - ông T và bà H phải chịu trên giá trị 21.000.000 đồng yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận;

Nguyên đơn - ông Bùi Quốc K không phải chịu.

[4] Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm h khoản 1 Điều 40; các Điều: 93, 94, 95, 96, 147, 184, 185, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 305; Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - ông Bùi Quốc K: Buộc ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H phải trả cho ông Bùi Quốc K số tiền 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng; trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Bùi Quốc K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H chưa thi hành, thi hành không đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với số tiền, thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H phải chịu là 1.050.000 (một triệu, năm mươi nghìn) đồng;

Ông Bùi Quốc K không phải chịu, hoàn lại cho ông Bùi Quốc K 525.000 (năm trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0004844 ngày 01/12/2016.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông Bùi Quốc K, ông Hoàng Lê T và bà Nguyễn Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.1;
- Chi cục THADS Q.1;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Việt Trung